TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 183/2026/HNGĐ -ST
Ngày: 20-04-2026
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị An

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Tâm và ông Nguyễn Minh Hoàng

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hoàng Kha - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 - Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Duy - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 04 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 - Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 93/2026/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 147/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 04 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Mai Văn H, sinh năm 1976
Địa chỉ: Ấp 1, xã Gành H, tỉnh Cà Mau.
Số Căn cước công dân: 095076015568; ngày cấp: 09/08/2021.

Bị đơn: Chị Trương Thị N, sinh năm: 1979
Địa chỉ: Ấp 2, xã Gành H, tỉnh Cà Mau.
Số Căn cước công dân: 093179008625; ngày cấp: 12/08/2021.

(*Anh H, chị N có đơn xét xử vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình tố tụng, anh Mai Văn H trình bày:

Tôi và chị Trương Thị N chung sống với nhau trên tinh thần tự nguyện, không tổ chức đám cưới đám hỏi theo phong tục, tập quán ở địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Gành H ngày 19/03/2025.

Nguyên nhân mâu thuẫn do tôi và chị N không hiểu nhau, thường cự cãi. Chị N ghen tuông vô vớ, chửi bới tôi và gia đình tôi. Tôi và chị N không còn sống chung và liên lạc với nhau khoảng 08 tháng nay. Nay tôi không còn tình cảm với

chị N nữa và không thể chung sống như vợ chồng với chị N nữa nên yêu cầu ly hôn chị N.

Về con chung: Vợ chồng chưa có con chung.

Về tài sản và nợ: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 12/03/2026 chị Trương Thị N trình bày:

Chị và Anh H chung sống với nhau vào năm 2025 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gành H ngày 19/03/2025, hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức cưới gả theo phong tục, tập quán ở địa phương.

Nguyên nhân ly hôn do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hòa thuận trong cuộc sống, không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Khoảng tháng 04 năm 2025 Anh H đi Hàn Quốc để xuất khẩu lao động rồi có quen người phụ nữ khác nên không còn liên lạc với chị. Nay Anh H kiên quyết yêu cầu ly hôn, chị đồng ý vì chị không còn tình cảm với Anh H.

Về con chung: Không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến và đề nghị:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa;

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị áp dụng Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 227; Điều 2288 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, đề nghị công nhận sự thuận tình ly hôn của anh Mai Văn H và chị Trương Thị N; Về con chung, tài sản và nợ chung: không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Anh H phải nộp theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Mai Văn H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn đối với chị Trương Thị N. Chị N có địa chỉ cư trú tại ấp 2, xã Gành H, tỉnh Cà Mau. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là

tranh chấp ly hôn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân khu vực 8 - Cà Mau.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Anh H và chị N có đơn yêu cầu được vắng mặt tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 19/03/2025. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống Anh H và chị N xảy ra mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, không có sự chia sẻ, tin tưởng nhau trong cuộc sống dẫn đến việc anh chị không còn liên lạc cũng như không còn sống chung như vợ chồng nhiều tháng nay. Anh H yêu cầu được ly hôn, chị N cũng đồng ý ly hôn. Do đó, Tòa án căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa Anh H và chị N.

[2] Về con chung: Anh H chị N chưa có con chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3] Về tài sản và nợ chung: Anh H chị N không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Án phí hôn nhân và gia đình: Anh H phải nộp án phí 300.000 đồng.

[5] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Mai Văn H và chị Trương Thị N.

2. Về con chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về tài sản và nợ chung: Không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Mai Văn H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000935 ngày 22 tháng 01 năm 2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau.

5. Quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, báo cho các đương sự được biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;*
- *VKSND khu vực 8 - Cà Mau;*
- *THADS tỉnh Cà Mau;*
- *UBND xã Gành H;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu VP; HSVA.*

Đỗ Thị An